TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày 12 - 7 - 2023

"*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 80/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS, ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Buôn G, xã N, huyện K, Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 27/6/2022 ông T vay tôi số tiền 200.000.000đồng, hẹn thời hạn trả ngày 27/7/2022, thoả thuận lãi suất 2000đồng/1.000.000đồng/1 ngày nhưng không ghi vào giấy vay. Ông T có giao cho tôi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CS 016769 cấp cho ông T đối với thửa đất số: 53, tờ bản đồ số 118, tại Buôn Ea Gar, xã N, huyện K để làm tin cho việc trả nợ. Tuy nhiên, đến nay ông T chưa trả cho tôi khoản tiền nào, vì vậy tôi yêu cầu ông T phải trả cho tôi 200.000.000đồng nợ gốc.

Về tiền lãi suất: Thời điểm ông T vay có trả trước cho tôi 10.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 200.000.000đ. Do đó, tôi yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật, khấu trừ số tiền lãi ông Tuyển đã trả trước đo cho tôi.

Đối với việc ông T cho rằng số tiền 200.000.000 đồng theo giấy vay ngày 27/6/2022 là số tiền cộng dồn nợ gốc 80.000.000đồng và tiền lãi là không đúng sự thật. Tôi khẳng định ông T vay số tiền 200.000.000đồng, và có tín chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như tôi đã trình bày trên. Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết nên tôi đã cầm cố cho bà Hoa Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CS 016769 đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 118, tại Buôn G, xã N, huyện K để vay số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất là: 3.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Thời gian đầu, tôi thường xuyên đóng lãi đầy đủ hàng tháng. Đến khoảng năm 2020, do dịch bệnh Covid – 19 kéo dài nên tôi không có khả năng đóng tiền lãi (9%/tháng, tương đương 108%/năm).

Tuy nhiên, sau khi trả hết (cả gốc và lãi) số tiền 80.000.000 đồng, bà H đồng ý cho tôi tiếp tục vay với số tiền này nhưng với mức lãi là: 5.000.000 đồng/tháng/80.000.000 đồng. Tuy nhiên, do điều kiện làm ăn không gặp may mắn nên tôi chưa trả được nợ cho bà H.

Vì lẽ trên, ngày 27 tháng 6 năm 2022, bà H đã gọi tôi đến, hỏi tôi có nhu cầu vay thêm thì bà cho vay, tôi đồng ý vay thêm. Theo đó, bà H đã cộng dồn số tiền vay gốc là 80 triệu với số tiền lãi của 17 tháng là 85 triệu thành 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Đồng thời, bà H viết giấy vay tiền ngày 27 tháng 6 năm 2022 cho tôi vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nhưng thực tế là cộng dồn nợ gốc và nợ lãi thành 165 triệu đồng và 25.000.000 đồng tôi tiếp tục vay thêm thành 190 triệu đồng. Tuy nhiên, bà H ghi giấy vay 200 triệu đồng và đã lấy lãi 10 triệu đồng của 01 tháng vay nên Giấy vay tiền không ghi lãi vì đã lấy lãi trước. Do đó, Giấy vay tiền do bà H soạn sẵn có ghi: "Nếu quá thời hạn 30 ngày mà hai bên không thỏa thuận gì thêm thì bên B (tôi, Nguyễn Văn T) tự nguyện giao trả lại tài sản thế chấp cho bên A (bà Nguyễn Thị H) bán theo giá trị định giá trong hợp đồng thế chấp để thu hồi vốn". Nay, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi phải trả tổng số tiền cả gốc và lãi với tổng số tiền là 228.800.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng), tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này. Vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, ngày 27 tháng 01 năm 2021, tôi có vay của bà H số tiền 80.000.000 đồng. Đến ngày 27/6/2022, sau 17 tháng, bà H đã cộng cả gốc và lãi thành 165 triệu đồng. Đây là mức lãi quá cao, không phù hợp các quy định về tín dụng. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án tính mức lãi của 80.000.000 đồng từ ngày 27/01/2021 đến ngày 27/6/2022 theo quy định tại Điều 468 – Bộ luật Dân sự..

Thứ hai, sau khi tính tiền lãi của số tiền 80.000.000 đồng từ ngày 27/01/2021 đến ngày 27/6/2022 (tương đương 22.600.000 đồng), tôi đồng ý cộng dồn thành 100.260.000 đồng và số tiền mặt bà H đưa thêm cho tôi là 25.000.000đồng dồn thành 127.600.000 đồng. Với số tiền này, tôi đồng ý tính lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 27 tháng 6 năm 2022 đến ngày kết thúc xét xử sơ thẩm vụ kiện. Thời điểm ký vào giấy vay tiền ngày 27 tháng 06 năm 2022 tôi đã đọc nội dung, cũng không ai ép buộc mà tôi tự nguyện ký dươi mục bên vay.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không chấp hành đúng các quy định về tham gia phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả 200.000.000 đồng tiền gốc.

Về lãi suất: Lãi trong hạn từ ngày 27/06/2022 đến 27/07/2022: 200.000.000 đồng x 10%/năm x 30 ngày = 1.643.835 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ ngày 28/07/2022 đến ngày 12/07/2023: 200.000.000đ x 10%/năm x 150% x 344 ngày = 28.273.972 đồng.

- Lãi của lãi chậm trả: 1.643.835 đồng x 10% x 344 ngày = 154.925 đồng.

Tổng lãi bị đơn có trách nhiệm trả 30.072.732 đồng.

Khấu trừ số tiền lãi ông Tuyển đã trả 10.000.000 đồng, còn lãi phải trả lãi 20.072.732 đồng

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 016769, của thửa đất số 53, tờ bản đồ số 118 (bản gốc), các bên thỏa thuận tín chấp không đúng theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm nên cần buộc bà H có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả tiền vay theo giấy vay tiền ngày 27/06/2022. Đây là quan hệ

“tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả 200.000.000 đồng tiền vay gốc.

Ngày 27/06/2022, ông Nguyễn Văn T có vay của bà Nguyễn Thị H 200.000.000 đồng. Thời điểm vay có xác lập giấy vay, ông T thừa nhận đã được đọc lại, đồng ý ký dưới mục bên vay, thỏa thuận thời hạn trả 27/07/2022. Ông T có tín chấp cho bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số CS 016769, của thửa đất số 53, tờ bản đồ số 118.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại đã quá hạn trả, việc ông T không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay đã cam kết được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, bà H khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả 200.000.000 đồng vay gốc cho bà H.

Về lãi suất: Trong hợp đồng vay không ghi về lãi suất, bà H cho rằng các bên có thỏa thuận lãi suất miệng 2000 đồng/01 triệu/ ngày, ông T cho rằng thỏa thuận miệng 3000đ/01 triệu/ ngày, như vậy giữa các bên không thống nhất được với nhau về mức lãi suất, đồng thời thỏa thuận lãi là cao hơn so với quy định của pháp luât. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điểm a, khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo để điều chỉnh lại lãi cho phù hợp, cụ thể:

- Lãi trong hạn từ ngày 27/06/2022 đến 27/07/2022: 200.000.000 đồng x 10%/năm x 30 ngày = 1.643.835 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ ngày 28/07/2022 đến ngày 12/07/2023: 200.000.000đ x 10%/năm x 150% x 344 ngày = 28.273.972 đồng.

- Lãi của lãi chậm trả tính từ ngày 28/07/2022 đến ngày 12/07/2023: 1.643.835 đồng x 10% x 344 ngày = 154.925 đồng.

Tổng lãi bị đơn có trách nhiệm trả 30.072.732 đồng. Khấu trừ số tiền lãi ông Tuyển đã trả trước 10.000.000 đồng, còn lãi phải trả lãi 20.072.732 đồng

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 016769, của thửa đất số 53, tờ bản đồ số 118 (bản gốc), các bên thỏa thuận tín chấp không đúng theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm nên cần buộc bà H có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T.

Đối với việc ông T cho rằng chỉ vay của bà H 80.000.000 đồng, sau đó cộng tiền lãi, đồng thời vay thêm 25.000.000 đồng, nên mới lập giấy vay ngày 27/06/2022. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà H không thừa nhận, đồng thời ông T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận nội dung nêu trên.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H 220.072.732 đồng. (Hai trăm hai mươi triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày 13/07/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T bản gốc 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 016769, số vào sổ cấp GCN:CS002419, của thửa đất số 53, tờ bản đồ số 118.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 11.003.636 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. (Theo cách tính: 220.072.732 đồng x 5%)

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 5.720.000 đồng đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2022/0000933, ngày 07 tháng 04 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện EaKar;
-THADS huyện K;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Hoàng Trí Lý